TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2019/DS-ST
Ngày: 18/4/2019
V/v tranh chấp hợp đồng tư vấn giới thiệu việc làm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Khắc Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng;

2. Bà Bùi Thị Phụng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 204/2018/TLST-DS ngày 13/6/2018 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tư vấn giới thiệu việc làm*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2019/QĐST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lương Văn T, sinh năm 1991

Địa chỉ: A đường số B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. (ông T xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH Y

Trụ sở: A Đặng Thị Rành, khu phố B, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: bà Trần Thị Hoàng P, sinh năm 1989

Địa chỉ: A Đặng Thị Rành, khu phố B, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng của nguyên đơn xác định: Vào ngày 07/10/2016, thông qua thông tin trên mạng internet ông T có đăng ký xuất khẩu lao động tại công ty TNHH Y thông qua Giấy cam kết tư vấn giới thiệu kết nối việc làm, theo đó hai bên thỏa thuận mức phí trọn gói 7000 USD (tương đương số tiền 154.000.000 đồng) để được công ty tư vấn, làm thủ tục sang Nhật làm việc và công ty có trách nhiệm hoàn lại tiền nếu không thực hiện thành công. Sau khi ký thỏa thuận, ông đã giao đủ tiền cho công ty, đến tháng 11 năm 2016, công ty đưa ông và một số người khác sang Nhật phỏng vấn, đồng thời cam kết sẽ hoàn thiện thủ tục sớm nhất để đưa sang Nhật làm việc chính thức. Tuy nhiên, đến tháng 4 năm 2017 ông nhận thấy có dấu hiệu lừa đảo nên đã tố cáo lên cơ quan công an. Trong thời gian tố cáo công ty ngừng hoạt động. Sau quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra công an Thành phố Hồ Chí Minh thông báo không khởi tố vụ án với lý do bên công ty đang tích cực trả lại tiền cho bị hại trong đó có ông. Quá trình làm việc sau đó với công ty, công ty thống nhất trả lại cho ông 154.000.000 đồng, trừ đi chi phí đưa sang Nhật 30.000.000 đồng, còn lại 124.000.000 đồng. Tuy nhiên đến ngày 13/11/2017 ông mới nhận được chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng, ông đã liên lạc với công ty nhiều lần nhưng không được.

Nay ông yêu cầu Tòa án xem xét:

+ Hủy bỏ giấy cam kết tư vấn giới thiệu kết nối việc làm ngày 07/10/2016 ký giữa ông và Công ty TNHH Y.

+ Buộc Công ty TNHH Y trả lại cho ông số tiền 114.000.000 đồng ngay sau khi có bản án quyết định có hiệu lực.

Bị đơn: Công ty TNHH Y – người đại diện theo pháp luật bà Trần Thị Hoàng P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến tòa để làm việc, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án Nhân dân quận Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm có:

1. Văn bản số 510/TAQTĐ ngày 18/6/2018;

2. Văn bản số 4147/ĐKKD-THKT ngày 13/7/2018;

3. Phiếu yêu cầu xác minh số 204/2018/PYCXM ngày 07/01/2019.

4. Bản sao Giấy cam kết tư vấn giới thiệu kết nối việc làm ngày 07/10/2016;

5. Bản sao thông báo kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố số 2996 ngày 26/7/2017;

6. Bản sao thông báo kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố số 2996 ngày 28/8/2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa hai bên phát sinh từ quan hệ hợp đồng dân sự về việc tư vấn giới thiệu việc làm thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở trên địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Xét hình thức Giấy cam kết tư vấn giới thiệu kết nối việc làm ngày 07/10/2016 giữa Công ty TNHH Y và ông Lương Văn T được lập bằng văn bản có các nội dung thỏa thuận về các quyền và nghĩa vụ của các bên và được xác lập hoàn toàn tự nguyện.

Theo nội dung giao kết, công ty TNHH Y cam kết tư vấn giới thiệu kết nối việc làm thành công cho ông T xuất khẩu lao động sang thị trường Nhật Bản với mức phí trọn gói 7000 USD (tương đương số tiền 154.000.000 đồng), thời gian thực hiện toàn bộ công việc trong vòng 06 tháng từ xin visa và chuyển đổi visa để người lao động ký hợp đồng trực tiếp với nhà máy và công ty có trách nhiệm hoàn lại tiền nếu không thực hiện thành công. Căn cứ Giấy đăng ký kinh doanh của công ty; bản sao y Thông báo kết quả giải quyết tố giác số 2996 ngày 26/7/2017 và bản sao y Thông báo kết quả giải quyết tố giác số 3410 ngày 28/8/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, có cơ sở xác định Công ty TNHH Y không đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đưa người Việt Nam đi lao động ở nước ngoài do chưa có giấy phép theo quy định nên thỏa thuận là trái với quy định của pháp luật.

Mặc dù hành vi của người đại diện pháp luật công ty TNHH Y chưa cấu thành tội phạm nhưng sau khi nhận đủ tiền của ông T, quá trình thực hiện giao kết, công ty đã thực hiện một số công việc nhưng không thực hiện thành công đối với ông T nên đã chủ động hoàn trả lại số tiền 10.000.000 đồng cho ông T sau khi đã trừ đi một phần chi phí mua vé máy bay, làm thủ tục xin visa 30.000.000 đồng như trình bày của ông T là có cơ sở.

Do đó lỗi vi phạm thỏa thuận thuộc về phía bị đơn, làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Bị đơn thực tế không còn hoạt động tại trụ sở, người đại diện theo pháp luật không thực tế cư trú tại địa chỉ đã được đăng ký trong Giấy đăng ký kinh doanh nên nguyên đơn không thể thực hiện việc thông báo. Quá trình tố tụng bị đơn không đến Tòa án tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không gửi văn bản hay giao nộp tài liệu chứng cứ liên quan đến giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để xác định yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 166; Điều 423 và Điều 428 Bộ luật dân sự.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 6 Điều 84; Điều 166 và Điều 423 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Văn T. Hủy bỏ giấy cam kết tư vấn giới thiệu kết nối việc làm ngày 07/10/2016 ký giữa ông Lương Văn T và Công ty TNHH Y.

Buộc Công ty TNHH Y trả cho ông Lương Văn T số tiền 114.000.000 (Một trăm mười bốn triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên bị thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 5.700.000 (Năm triệu, bảy trăm nghìn) đồng buộc Công ty TNHH Y chịu. Ông Lương Văn T được nhận lại tiền tạm ứng án phí 2.850.000 (Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng, theo biên lai số: 0038979 ngày 13/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Khắc Hưng